

Số: 193/BC-UBND

Khánh Vinh, ngày 04 tháng 7 năm 2018

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong 06 tháng đầu năm và chương trình công tác 06 tháng cuối năm 2018**

Căn cứ Công văn số 1801/SYT-ATTP ngày 13/6/2018 của Sở Y tế Khánh Hòa về việc báo cáo kết quả công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, UBND huyện Khánh Vinh báo cáo kết quả công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) 06 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn huyện như sau:

#### **I. THÔNG TIN CHUNG**

|                                     |  |
|-------------------------------------|--|
| 1. Dân số: 39.500 người             | 5. Số cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm: 12 |
| 2. Diện tích: 1.165 km <sup>2</sup> | 6. Số cơ sở kinh doanh thực phẩm: 35         |
| 3. Số xã/thị trấn: 14               | 7. Số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: 28   |
| 4. Số thôn/tổ dân phố: 47           | Cộng (5+6+7): 75 cơ sở nhóm 2                |

#### **II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO**

| TT | Nội dung hoạt động                             | Tuyến xã |            | Tuyến huyện |               |
|----|--|----------|------------|-------------|---------------|
|    |  | Số xã có | Tổng số xã | Số huyện có | Tổng số huyện |
| 1  | Có BCĐLNVSATTP do Lãnh đạo UBND làm trưởng ban | 14       | 14         | 01          | 01            |
| 2  | Có Hội nghị BCĐ Liên ngành 06 tháng            | 06       | 14         | 00          | 01            |
| 3  | Có quyết định, chỉ thị về ATTP                 | 14       | 14         | 01          | 01            |
| 4  | Có công văn về ATTP                            | 14       | 14         | 01          | 01            |
| 5  | Có kế hoạch bảo đảm ATTP                       | 14       | 14         | 01          | 01            |
| 6  | Có Hội nghị triển khai và tổng kết             | 02       | 14         | 00          | 01            |

#### **\* Văn bản chỉ đạo điều hành của UBND huyện Khánh Vinh:**

- Tết Nguyên đán Mậu Tuất và mùa Lễ hội xuân năm 2018: Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 23/01/2018 về triển khai công tác bảo đảm ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất và mùa Lễ hội Xuân năm 2018; Ban hành Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành vệ sinh ATTP phục vụ Tết Nguyên đán Mậu Tuất và mùa Lễ hội Xuân năm 2018.

- Tháng hành động vì ATTP năm 2018: Kế hoạch số 865/KH-UBND ngày 09/4/2018 về triển khai Tháng hành động vì ATTP năm 2018; Kế hoạch số 923/KH-

UBND ngày 13/4/2018 về tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Tháng hành động vì ATTP năm 2018; Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành Tháng hành động vì ATTP năm 2018; Công văn số 956/UBND-VX ngày 18/4/2018 về việc tuyên truyền trong Tháng hành động vì ATTP năm 2018.

- Ban hành Công văn số 837/UBND-VX ngày 05/4/2018 về chỉ đạo UBND xã Sông Cầu, thị trấn Khánh Vĩnh tổ chức triển khai xây dựng mô hình điểm về đảm bảo ATTP năm 2018.

- Ban hành Công văn số 635/UBND-NC ngày 19/3/2018 về phân công công chức cấp xã theo dõi công tác ATTP tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG VỀ ATTP 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

#### 1. Tuyên truyền giáo dục:

| TT | Hoạt động  | Tuyến xã                   |                                  | Tuyến huyện |                                  |
|----|--|----------------------------|----------------------------------|-------------|----------------------------------|
|    |  | SL/buổi                    | TS người tham dự/phạm vi bao phủ | SL/buổi     | TS người tham dự/phạm vi bao phủ |
| 1  | Tổ chức lễ phát động THĐ                             | 02                         | 400 người                        | 01          | 250 người                        |
| 2  | Nói chuyện   | 07                         | 288 người                        | 00          | 00                               |
| 3  | Tập huấn   | 14                         | 350 người                        | 03          | 190 người                        |
| 4  | Hội thảo   | 00                         | 00                               | 00          | 00                               |
| 5  | Phát thanh (Tập trung trong Tháng hành động vì ATTP) | 02lần/ngày x14 xã/thị trấn | 14 xã/thị trấn                   | 00          | 00                               |
| 6  | Truyền hình  | 00                         | 00                               | 01          | Toàn huyện                       |
| 7  | Báo viết   | 00                         | 00                               | 00          | 00                               |
| 8  | Sản phẩm truyền thông                                |                            |                                  |             |                                  |
|    | - Băng rôn, khẩu hiệu                                | 54                         | Toàn huyện                       | 10          | Toàn huyện                       |
|    | - Tranh áp - phích                                   | 00                         | 00                               | 00          | 00                               |
|    | - Tờ gấp   | 00                         | 00                               | 00          | 00                               |
|    | - Băng, đĩa hình                                     | 00                         | 00                               | 01          | Toàn huyện                       |
|    | - Băng, đĩa âm                                       | 14                         | Toàn huyện                       | 01          | Toàn huyện                       |
|    | -Khác:..   | Không                      |                                  | Không       |                                  |
| 9  | Hoạt động khác:...                                   | Không                      |                                  | Không       |                                  |

#### 2. Công tác kiểm tra:

##### a) Tổng số đoàn kiểm tra:

| TT   | Tuyến | Tổng số đoàn | Trong đó đoàn liên ngành |
|------|-------|--------------|--------------------------|
| 1    | Xã    | 14           | 14                       |
| 2    | Huyện | 01           | 01                       |
| Cộng |       | 15           | 15                       |

**b) Kết quả:**

| TT          | Cơ sở thực phẩm      | TS cơ sở                             | Số được KT  | Số đạt  | Tỉ lệ đạt (%) |
|-------------|----------------------|--------------------------------------|---|---|---------------|
| 1           | Sản xuất chế biến TP | 12                                   | 08  | 0   | 0             |
| 2           | Kinh doanh thực phẩm | 35                                   | 26  | 18  | 69            |
| 3           | Dịch vụ ẨU           | 28                                   | 22  | 17  | 77            |
| <b>Cộng</b> |                      | <b>75</b>                            | <b>56</b>   | <b>35</b>   | <b>62.5</b>   |
| 4           | Số cơ sở vi phạm     | 02                                   |   |   |               |
| 5           | Xử lý                | - Số cơ sở bị cảnh cáo               | 0   | 0   |               |
|             |                      | - Số cơ sở bị phạt tiền<br>- Số tiền | 0   | 0   |               |
|             |                      | - Số cơ sở bị huỷ SP<br>- Loại SP/SL | 0   | 2 loại sản phẩm:<br>36 hộp sữa tươi,<br>86 lon nước ngọt<br>các loại hết hạn sử dụng. |               |
|             |                      | - Số cơ sở bị đóng cửa               | 0   | 0   |               |
|             |                      | - Khác                               | Nhắc nhở, hướng dẫn các cơ sở tuân thủ các quy định về ATTP | Nhắc nhở, hướng dẫn các cơ sở tuân thủ các quy định về ATTP                           |               |

**3. Công tác xét nghiệm:**

| TT          | Chỉ tiêu XN | Kết quả | Bệnh nhân NĐTP | Người SXCB | Bàn tay | Thực phẩm | Nước | Dụng cụ bao gói | Khác |
|-------------|-------------|---------|----------------|------------|---------|-----------|------|-----------------|------|
| 1           | Vi sinh vật | TS mẫu  | 0              | 0          | 0       | 00        | 0    | 0               | 0    |
|             |             | Số đạt  | 0              | 0          | 0       | 00        | 0    | 0               | 0    |
| 2           | Hóa chất    | TS mẫu  | 0              | 0          | 0       | 10        | 0    | 0               | 0    |
|             |             | Số đạt  | 0              | 0          | 0       | 10        | 0    | 0               | 0    |
| <b>Cộng</b> |             |         | 0              | 0          | 0       | 10        | 0    | 0               | 0    |

\* Lấy 06 mẫu rau, quả, 02 mẫu giò chả, 02 mẫu bún để làm các xét nghiệm nhanh. Kết quả chưa phát hiện chất cấm trong các mẫu xét nghiệm nhanh.

**4. Hoạt động cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP:**

| TT | Loại cơ sở thực phẩm        | Tuyên xã |          | Tuyên huyện |          |
|----|-----------------------------|----------|----------|-------------|----------|
|    |                             | Cấp mới  | Tích lũy | Cấp mới     | Tích lũy |
| 1  | Sản xuất chế biến thực phẩm | 0        | 0        | 0           | 0        |

|              |                      |          |            |           |           |
|--------------|----------------------|----------|------------|-----------|-----------|
| 2            | Kinh doanh thực phẩm | 0        | 40         | 09        | 09        |
| 3            | Dịch vụ ăn uống      | 0        | 0          | 02        | 83        |
| 4            | Thức ăn đường phố    | 0        | 80         | 0         | 0         |
| <b>Cộng:</b> |                      | <b>0</b> | <b>120</b> | <b>11</b> | <b>92</b> |

**5. Hoạt động cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh ATTP:**

| TT           | Loại cơ sở thực phẩm        | Tuyển huyện |          |
|--------------|-----------------------------|-------------|----------|
|              |                             | Cấp mới     | Tích lũy |
| 1            | Sản xuất chế biến thực phẩm | 0           | 0        |
| 2            | Kinh doanh thực phẩm        | 0           | 0        |
| 3            | Dịch vụ ăn uống             | 01          | 21       |
| <b>Cộng:</b> |                             |             |          |

**6. Hoạt động ký cam kết bảo đảm ATTP:**

| TT           | Loại cơ sở thực phẩm        | Tuyển xã |           | Tuyển huyện |           |
|--------------|-----------------------------|----------|-----------|-------------|-----------|
|              |                             | Cấp mới  | Tích lũy  | Cấp mới     | Tích lũy  |
| 1            | Sản xuất chế biến thực phẩm | 0        | 0         | 0           | 0         |
| 2            | Kinh doanh thực phẩm        | 0        | 38        | 0           | 0         |
| 3            | Dịch vụ ăn uống             | 0        | 0         | 05          | 30        |
| 4            | Thức ăn đường phố           | 0        | 46        | 0           | 0         |
| <b>Cộng:</b> |                             | <b>0</b> | <b>94</b> | <b>05</b>   | <b>30</b> |

**7. Hoạt động cấp bản đăng công bố sản phẩm và Xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm:**

| TT           | Loại sản phẩm | Công bố sản phẩm |          | Quảng cáo sản phẩm |          |
|--------------|---------------|------------------|----------|--------------------|----------|
|              |               | Cấp mới          | Tích lũy | Cấp mới            | Tích lũy |
| 1            | Không         | 0                | 0        | 0                  | 0        |
| <b>Cộng:</b> |               | <b>0</b>         | <b>0</b> | <b>0</b>           | <b>0</b> |

**8. Hoạt động tiếp nhận tự công bố sản phẩm:**

| TT | Loại sản phẩm | Ngành Y tế |          | Ngành Nông nghiệp |          | Ngành Công thương |          |
|----|---------------|------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|
|    |               | Cấp mới    | Tích lũy | Cấp mới           | Tích lũy | Cấp mới           | Tích lũy |

|              |       |          |          |          |          |          |          |
|--------------|-------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1            | Không | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        |
| <b>Cộng:</b> |       | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |

### 9. Xây dựng mô hình điểm về ATTP:

| TT           | Loại mô hình  | Tuyến xã  |                | Tuyến huyện |          |
|--------------|---|-----------|----------------|-------------|----------|
|              |   | Số lượng  | Kết quả        | Số lượng    | Kết quả  |
| 1            | Thức ăn đường phố   | 02        | Đang thực hiện | 0           | 0        |
| 2            | Truyền thông cộng đồng thay đổi tập quán lạc hậu phòng ngừa ngộ độc thực phẩm                               | 0         | 0              | 0           | 0        |
| 3            | Làng văn hóa sức khỏe phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, FBDs  | 0         | 0              | 0           | 0        |
| 4            | HACCP   |           |                |             |          |
| 5            | Khác:<br>- Chợ điểm:<br>- Bếp ăn tập thể<br>- Trường học<br>- Khu du lịch<br>- Rau sạch<br>- Chăn nuôi sạch | 0         | 0              | 0           | 0        |
| <b>Cộng:</b> |   | <b>02</b> | Đang thực hiện | <b>0</b>    | <b>0</b> |

### 10. Ngộ độc thực phẩm:

| TT           | Loại ngộ độc thực phẩm                   | Số vụ    | Số mắc   | Số chết  |
|--------------|--|----------|----------|----------|
| 1            | Ngộ độc thực phẩm do vi sinh vật         | 0        | 0        | 0        |
| 2            | Ngộ độc thực phẩm do hóa chất            | 0        | 0        | 0        |
| 3            | Ngộ độc thực phẩm do thực phẩm biến chất | 0        | 0        | 0        |
| 4            | Ngộ độc thực phẩm do độc tố tự nhiên     | 0        | 0        | 0        |
| <b>Cộng:</b> |  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |

### 11. Kinh phí:

| TT | Nội dung chi          | Trên cấp   | Hỗ trợ của UBND | Hỗ trợ của doanh nghiệp | Cộng       |
|----|-----------------------|------------|-----------------|-------------------------|------------|
| 1  | Tuyên truyền giáo dục | 14.210.000 |                 | 0                       | 14.210.000 |

|             |                                       |                   |                                   |   |                   |
|-------------|---------------------------------------|-------------------|-----------------------------------|---|-------------------|
| 2           | Kiểm tra, thanh tra                   | 15.422.000        | 0                                 | 0 | 15.422.000        |
| 3           | Mua trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất | 0                 | 0                                 | 0 | 0                 |
| 4           | Mô hình điểm                          | 0                 | 0                                 | 0 | 0                 |
| 5           | Điều tra ngộ độc TP                   | 0                 | 0                                 | 0 | 0                 |
| 6           | Xét nghiệm                            | 0                 | 0                                 | 0 | 0                 |
| 7           | Khác                                  | 0                 | 6.320.000<br>(UBND các xã hỗ trợ) | 0 | 0                 |
| <b>Cộng</b> |                                       | <b>29.632.000</b> | <b>6.320.000</b>                  |   | <b>35.952.000</b> |

#### IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

**1. Ưu điểm:** UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phụ trách ATTP trên huyện phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ngành, cơ quan chuyên môn cấp trên triển khai các hoạt động bảo đảm ATTP như công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về ATTP, công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP đã góp phần nâng cao vai trò quản lý ATTP của cán bộ, công chức phụ trách công tác ATTP trên huyện; nâng cao nhận thức đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm và người dân về lựa chọn, sử dụng thực phẩm an toàn, bảo đảm chất lượng. Trong 06 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn huyện không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.

#### 2. Tồn tại:

- Về lĩnh vực nông nghiệp: Chưa có phân cấp cho công tác quản lý ATTP lĩnh vực nông nghiệp cho tuyến huyện, xã nên công tác quản lý còn gặp nhiều khó khăn.
- Về lĩnh vực công thương: Chưa phân cấp quản lý các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công thương cho cấp xã nên công tác theo dõi, quản lý còn bất cập, khó khăn.
- Về lĩnh vực Y tế: Chủ hộ kinh doanh thức ăn đường phố chưa thực hiện tốt quy định khám sức khỏe định kỳ theo quy định vì chi phí khám sức khỏe cao.

#### 2. Kiến nghị:

- Đề nghị Sở Nông nghiệp & PTNT tham mưu UBND tỉnh ủy quyền phân cấp về ATTP cho tuyến huyện, xã để tăng cường công tác quản lý nhà nước lĩnh vực Nông nghiệp trên địa bàn huyện Khánh Vĩnh.
- Đề nghị Phòng Kinh tế & Hạ tầng căn cứ Quyết định phân cấp về ATTP lĩnh vực công thương hướng dẫn các hộ kinh doanh làm Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về ATTP và cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP theo quy định.
- Đề nghị Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Công thương tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quản lý ATTP cho cán bộ phụ trách ATTP tuyến huyện, xã thuộc lĩnh vực nông nghiệp, công thương theo phân cấp quản lý.

## **V. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC BẢO ĐẢM ATTP 06 THÁNG CUỐI NĂM 2018:**

- Tiếp tục bám sát các nội dung của Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, Kết luận số 11-KL/TW, ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW của Ban Bí thư (khóa XI) về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới và Nghị quyết 43/2017/QH ngày 21/6/2017 của Quốc hội để chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và các địa phương tổ chức thực hiện các yêu cầu về bảo đảm ATTP trên địa bàn huyện.

- Căn cứ vào kế hoạch, chương trình của UBND tỉnh, các Sở liên quan về bảo đảm ATTP để ban hành chương trình, kế hoạch, quyết định tổ chức thực hiện. Trong đó, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ, chủ động triển khai công tác bảo đảm ATTP trên huyện.

- Tập trung tuyên truyền, kiểm tra giám sát về ATTP trong đợt Tết trung thu năm 2018 và các đợt cao điểm theo sự chỉ đạo của các cơ quan chuyên môn cấp Tỉnh.

Trên đây là báo cáo công tác quản lý nhà nước về ATTP 06 tháng đầu năm 2018 và chương trình 06 tháng cuối năm 2018 trên địa bàn huyện Khánh Vĩnh./.

### ***Nơi nhận:***

- Sở Y tế Khánh Hòa;
- Chi cục ATTP Khánh Hòa;
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy;
- Đ/c Phi - PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**